

Bản án số: 224/2024/HC-PT  
Ngày 27 tháng 3 năm 2024  
V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính  
về cưỡng chế thu hồi đất*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hồng.

*Các thẩm phán:*

Ông Dương Anh Văn.

Ông Trần Ngọc Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 25, 27 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 1117/2023/TLPT-HC ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về cưỡng chế thu hồi đất*”,

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 51/2023/HC-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 584/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Hoàng Thu T, sinh năm 1971. Địa chỉ: số G, đường D, Khu A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông Trần Thanh T1, sinh năm 1986. Địa chỉ liên hệ: số F, K, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt (theo Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2023).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: số A, đường Q, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Chí T2; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, có đơn xin xét xử vắng mặt (Văn bản ủy quyền số 1503/QĐ-UBND ngày 10/5/2023).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Võ Văn V, sinh năm 1969. Địa chỉ: số G, đường D, khu dân cư C,

Khu A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: số A, đường Q, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp:* Bà Nguyễn Thu C; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Hoàng Thu T - Là người khởi kiện.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà Nguyễn Hoàng Thu T là ông Trần Thanh T1 trình bày:

Bà T là chủ sử dụng phần đất có diện tích 1.104m<sup>2</sup> (gồm 98m<sup>2</sup> đất hành lang bảo vệ đường bộ; 566m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và 440m<sup>2</sup> đất lúa) thuộc các thửa đất số 524 (751), 562(752), tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại phường C có nguồn gốc do bà T nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Nguyễn Nghi T3 từ năm 2003 đã được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 151967, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00360 QSDĐ/H cấp cho hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T vào ngày 10/6/2003.

Ngày 17/8/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số: 3567/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 khu đô thị S giai đoạn I, diện tích 146,7ha thuộc xã C. Ngày 31/12/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số: 5880/QĐ- UBND về việc thu hồi đất để bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ công trình Khu đô thị S với nội dung: “*Thu hồi khu đất có tổng diện tích 3.334.962,5m<sup>2</sup> của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng tại xã C, thị xã T, tỉnh Bình Dương*”. Diện tích đất của bà T đang sử dụng thuộc diện bị thu hồi theo Quyết định số: 5880/QĐ-UBND ngày 31/12/2007.

Tuy nhiên đến ngày 21/6/2010 bà T mới biết đến Quyết định thu hồi đất nêu trên. Đến ngày 25/6/2010, bà T được mời họp để nghe thông báo về nội dung quyết định thu hồi đất.

Ngày 23/3/2011, bà T gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã C về việc bà T chưa nhận được tiền bồi thường nhưng chủ đầu tư đã tự ý móc đất, đào xới khu đất của bà T.

Ngày 15/4/2016, Ban Q thuộc Tổng Công ty Đ lập biên bản với bà T, qua đó bà T nêu ý kiến: “*Đồng ý chuyển đổi phần đất nông nghiệp nằm trong quy hoạch đường N giai đoạn I sang vị trí đất nông nghiệp khác tương đương. Về đất hoán đổi và đơn giá, gia đình không đồng ý với phương án đã được phê duyệt, gia đình về bàn bạc với các thành viên và trả lời sớm nhất*”.

Ngày 05/10/2016, Ủy ban nhân dân phường C tiến hành họp dân về việc thực hiện niêm yết công khai kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và thông báo thu hồi đất dự án khu đô thị C. Tại buổi làm việc bà T

cũng thống nhất ý kiến của các hộ dân có đất bị thu hồi như sau: “*Đồng ý chấp nhận cho mở đường Nguyễn Văn C1 và đề nghị điều chỉnh giá theo thời giá hiện tại, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố T đưa ra giá hợp lý, sau khi thỏa thuận xong giá cả sẽ tiến hành đo đạc kê khai tài sản trên đất*”.

Ngày 21/10/2019, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số: 2968/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình bà T. Ngày 06/02/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số: 133/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số: 2968/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 có nội dung: “*Áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T đang sử dụng khu đất diện tích 1.104m<sup>2</sup> (gồm 98m<sup>2</sup> đất hành lang bảo vệ đường bộ; 566m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và 440m<sup>2</sup> đất lúa) thuộc các thửa đất số 524(751), 562(752), tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 00360 QSDĐ/H ngày 10/6/2003 do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu M cấp cho hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T để thực hiện dự án: Khu đô thị S, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất: Dự kiến ngày 06/02/2023*”.

Nhận thấy Quyết định số: 133/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T, cụ thể: Ủy ban nhân dân thành phố T không tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, vi phạm quy định tại chương V Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ và Quyết định số 133 vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013. Nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết: Hủy Quyết định số: 133/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số: 2968/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*\* Tại Văn bản số 1723/UBND-NC ngày 07/6/2023, người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T có ý kiến:*

Hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00360/QSDĐ/H ngày 10/06/2003 tại thửa đất số 524(751), 562(752) tờ bản đồ số 07, phường C với diện tích 1.006m<sup>2</sup> (440 m<sup>2</sup> đất lúa và 566m<sup>2</sup> đất LN) và 98m<sup>2</sup> đất hành lang bảo vệ đường bộ.

Thực hiện dự án Khu đô thị S tại T (nay là thành phố) Thủ Dầu M được Ủy ban nhân dân tỉnh B phê duyệt quy mô, ranh giới dự án tại Quyết định số: 1817/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2004; Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu M đã ban hành Thông báo số 61/TB.UBND ngày 02 tháng 4 năm 2007 về việc bồi thường giải tỏa mặt bằng để triển khai xây dựng dự án: Khu đô thị S, thành phố T.

Căn cứ Công văn số 4960/UBND-KTN ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc tiếp tục thực hiện dự án theo phương thức thu hồi

đất tại dự án Khu đô thị S giai đoạn 1, vào ngày 12/04/2019, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố phối hợp cùng Ủy ban nhân dân phường C và Tổng Công ty Đ tiến hành họp dân công khai, phổ biến các văn bản liên quan về công tác thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị S, phường C, thành phố T.

Để thực hiện công tác bồi thường, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp cùng các ngành chức năng tiến hành đo đạc, kiểm đếm tại biên bản số 35/BBĐĐKĐ ngày 26/07/2019; lập Sơ đồ thu hồi đất ngày 26/7/2019; Bảng áp giá số 35/BAG- KĐTSTCM ngày 11/9/2019 và bổ sung thêm tại Bảng áp giá số 35-BS/ BAG-KĐTSTCM ngày 04/8/2022).

Ngày 21/10/2019 Ủy ban nhân dân thành phố T đã ban hành Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T tại phường C với tổng diện tích đất thu hồi là 1.104m<sup>2</sup> đất (trong đó 98m<sup>2</sup> đất HLBVĐB; 566m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm; 440 m<sup>2</sup> đất Lúa ) và Quyết định số: 3011/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án tại (trong đó có số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T là 4.857.600.000 đồng, STT 30).

Sau khi xem xét đề nghị của Tổng Công ty Đ về việc hỗ trợ đơn giá bồi thường đối với các hộ dân còn lại chưa nhận tiền bồi thường tại dự án: khu đô thị S, thành phố T (giai đoạn 1), UBND thành phố T đã thống nhất việc hỗ trợ đơn giá bồi thường đối với các hộ dân còn lại chưa nhận tiền bồi thường tại dự án tại Công văn số: 1661/UBND-VP ngày 28/7/2022 và Ủy ban nhân dân thành phố T đã ban hành Quyết định số: 4183/QĐ-UBND ngày 29/09/2022 về việc phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án (đợt 6), trong đó có hỗ trợ thêm cho hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T với số tiền là 1.435.200.000 đồng.

Trung tâm Phát triển quỹ đất đã phối hợp cùng Ủy ban nhân dân phường C, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường P và đại diện Tổng Công ty Đ (HUD) đã nhiều lần tổ chức mời làm việc, vận động, thuyết phục hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để triển khai thực hiện dự án (cụ thể vào các ngày 06/11/2019, 12/12/2019; 08/10/2020; 07/6/2021; 18/10/2021; 17/11/2021; 01/4/2022; 20/4/2022; 12/7/2022; 09/8/2022). Kết quả sau các buổi vận động hộ bà T vẫn không đồng ý nhận tiền bồi thường và giao mặt bằng cho dự án và bà có đề nghị bồi thường đất theo đơn giá 10.000.000 đồng/m<sup>2</sup> (nội dung đề nghị của bà T đã được đoàn vận động có ý kiến giải thích, trả lời cụ thể tại các buổi làm việc).

Do đó, ngày 06/02/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số: 133/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số: 2968/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T tại phường C.

Căn cứ điểm d, khoản 3, Điều 69, Luật Đất đai năm 2013, quy định: “d) Trường hợp người có đất thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban M cấp xã

*nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện.*

*Trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật này.”*

Xét thấy Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp cùng Ủy ban nhân dân phường C, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường C và Tổng Công ty Đ (Ban quản lý dự án số 8) nhiều lần vận động, thuyết phục nhưng hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T (người có đất thu hồi) vẫn chưa chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ theo quy định. Để triển khai thực hiện dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T tại phường C là phù hợp theo quy định của pháp luật.

*- Tại Văn bản số 2960/UBND-NC ngày 30/8/2023, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T có ý kiến:*

Theo hồ sơ lưu trữ thể hiện: Ngày 13/10/2000, ông Phạm Nguyễn Duy T4 được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 00184, tại thửa đất số: 562, tờ số: 7, diện tích: 1006m<sup>2</sup>, tại: xã C, thị xã T. Đến năm 2003, ông Phạm Nguyễn Duy T4 lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Hoàng Thu T, tại thửa đất số: 524(751), 562(752), tờ số: 7, diện tích: 1006m<sup>2</sup>, được lập tại UBND xã C ngày 11/03/2007 số 434. Ngày 10/6/2003, hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 00360QSĐĐ/H, diện tích 1.006m<sup>2</sup>, thửa đất số 524(751), 562(752), tờ bản đồ số 7, tại phường C, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 00360QSĐĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp thể hiện là hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T, kèm theo hộ khẩu gia đình trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm các nhân khẩu: Nguyễn Hoàng N (sinh năm 1959), Nguyễn Hữu T5 (sinh năm 1927), Hoàng Thị Thanh T6 (sinh năm 1927), Nguyễn Hoàng Thu N1 (sinh năm 1967), Nguyễn Hoàng K (sinh năm 1984), Nguyễn Hoàng Thu H (sinh năm 1969), Nguyễn Hoàng Thu T (sinh năm 1971).

Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số: 2968/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T tại phường C là phù hợp theo quy định. Bà T có khiếu nại yêu cầu tăng giá trị bồi thường về quyền sử dụng đất nhưng yêu cầu của bà T đã được giải thích, trả lời cụ thể tại các buổi làm việc nhưng bà T không đồng ý và không đồng ý nhận tiền bồi thường và giao mặt bằng cho dự án. Do đó, để

triển khai thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T tại phường C là đúng quy định.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét xử bác đơn khởi kiện của của bà Nguyễn Hoàng Thu T yêu cầu hủy Quyết định số: 133/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số: 2968/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T lý do: không có cơ sở xem xét để giải quyết.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 51/2023/HC-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:*

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoàng Thu T về việc hủy Quyết định số: 133/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T cưỡng chế thực hiện Quyết định số: 2968/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 29/9/2023, người khởi kiện bà Nguyễn Hoàng Thu T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T hủy quyết định số: 133/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T cưỡng chế thu hồi đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Ông Trần Thanh T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T hủy Quyết định số: 133/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất với lý do kháng cáo: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định cưỡng chế không đúng theo Nghị định số: 166/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về trình tự thủ tục ban hành quyết định cưỡng chế. Hơn nữa quyết định cưỡng chế ban hành ngày 06/02/2023 nhưng trong quyết định ghi ngày cưỡng chế là ngày 06/02/2013 là không đúng quy định của pháp luật.

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Về yêu cầu kháng cáo của bà T: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Hoàng Thu T hợp lệ, làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Người khởi kiện bà Nguyễn Hoàng Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số: 133/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T cưỡng chế thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp và có quyết định hành chính bị khởi kiện:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

Ngày 06/02/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số: 133/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013 và Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[3.2] Dự án Khu đô thị S tại thị xã T được phê duyệt tại Quyết định số: 1817/QĐ-UBND ngày 12/3/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Ngày 02/4/2007, Ủy ban nhân dân thị xã T ban hành Thông báo số: 61/TB.UBND ngày 02/4/2007 về việc bồi thường giải tỏa mặt bằng để triển khai xây dựng dự án Khu đô thị S, thành phố T.

Căn cứ Công văn số: 4960/UBND-KTN ngày 17/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc tiếp tục thực hiện dự án theo phương thức thu hồi đất tại dự án Khu đô thị S giai đoạn 1, vào ngày 12/04/2019, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố phối hợp cùng Ủy ban nhân dân phường C và Tổng Công ty Đ tiến hành họp dân công khai, phổ biến các văn bản liên quan về công tác thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị S, phường C, thành phố T.

Đối với hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X151967, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00360.QSĐĐ/H ngày 10/06/2003 tại thửa đất số 524 (751), 562 (752) tờ bản đồ số 07, phường C với diện tích 1.006m<sup>2</sup> (440 m<sup>2</sup> đất lúa và 566m<sup>2</sup> đất LN và 98m<sup>2</sup> đất hành lang bảo vệ đường bộ). Thực hiện công tác bồi thường, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã phối hợp cùng các ngành chức năng tiến hành đo đạc, kiểm đếm tại biên bản số: 35/BBĐĐKĐ ngày 26/07/2019; lập Sơ đồ thu hồi đất ngày 26/7/2019; Bảng áp giá số: 35/BAG- KĐTSTCM ngày 11/9/2019 và bổ sung thêm tại Bảng áp giá số: 35-BS/ BAG-KĐTSTCM ngày 04/8/2022.

Đến ngày 21/10/2019, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số: 2968/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T tại phường C với tổng diện tích đất thu hồi là 1.104m<sup>2</sup> đất, trong đó có 98m<sup>2</sup> đất HLBVĐB; 566m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm; 440 m<sup>2</sup> đất L.

Cùng ngày 21/10/2019, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số: 3011/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án trong đó có số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T là 4.857.600.000 đồng, là đúng quy định tại Điều 66, khoản 3 Điều 69 của Luật đất đai năm 2013.

Sau khi xem xét đề nghị của Tổng Công ty Đ về việc hỗ trợ đơn giá bồi thường đối với các hộ dân còn lại chưa nhận tiền bồi thường tại Dự án Khu đô thị S, thành phố T (giai đoạn 1), Ủy ban nhân dân thành phố T đã thống nhất việc hỗ trợ đơn giá bồi thường đối với các hộ dân còn lại chưa nhận tiền bồi thường tại dự án tại Công văn số: 1661/UBND-VP ngày 28/7/2022.

Do đó ngày 29/9/2022 Ủy ban nhân dân thành phố T đã ban hành Quyết định số: 4183/QĐ-UBND về việc phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án (đợt 6), trong đó có hỗ trợ thêm cho hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T với số tiền là 1.435.200.000 đồng (STT 20) là có căn cứ theo quy định tại Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, bà T vẫn không đồng ý nhận tiền bồi thường và giao mặt bằng cho dự án và bà T yêu cầu được bồi thường đất theo đơn giá 10.000.000 đồng/m<sup>2</sup> (nội dung đề nghị của bà T đã được đoàn vận động có ý kiến giải thích, trả lời cụ thể tại các buổi làm việc).

Tại điểm d khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013 quy định: “*Trường hợp người có đất thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban M cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện; Trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật này*”.



Đối chiếu với quy định trên, thấy rằng do bà T không thực hiện việc bàn giao đất nên Trung tâm Phát triển quỹ đất đã phối hợp cùng Ủy ban nhân dân phường C, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường C và đại diện Tổng Công ty Đ (HUD) đã nhiều lần tổ chức mời làm việc, vận động, thuyết phục hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để triển khai thực hiện dự, nhưng bà T không chấp hành. Do đó ngày 06/02/2023, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số: 133/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số: 2968/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T tại phường C là có căn cứ theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 69, và khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Thanh T1 người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà Nguyễn Hoàng Thu T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số: 133/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất là không đúng theo quy định tại Nghị định số: 166/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về trình tự thủ tục ban hành quyết định cưỡng chế nên yêu cầu hủy quyết định: 133/QĐ-UBND. Xét lời nại ra của ông T1 là chưa có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì: Nghị định số 166/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối tượng áp dụng của Nghị định số: 166/NĐ-CP là cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính đã quá thời hạn chấp hành hoặc quá thời hạn hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc đã quá thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra mà không tự nguyện chấp hành.

Như vậy, có căn cứ xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số: 133/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Hoàng Thu T.

2. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 51/2023/HC-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tố tụng hành chính, tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoàng Thu T về việc hủy Quyết định số: 133/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T cưỡng chế thực hiện Quyết định số: 2968/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Hoàng Thu T tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Hoàng Thu T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0011713 ngày 17/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Bà T đã nộp đủ.

4. Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**